

Bản án số: 04/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 14/01/2020

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

Ông: Đinh Minh Tăng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST - HNGĐ ngày 13/5/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 454/2019/QĐXX- ST ngày 19/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị P T N

Trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh V V C

Trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2019 và bản tự khai ngày 05/7/2019 của nguyên đơn P T N trình bày giữa chị và anh V V C đã đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã G T, huyện G T, tỉnh N Đ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 02 người con. Sau đó hai vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V V C.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu V V T sinh ngày 20/01/1998 và cháu V P U sinh ngày 29/6/2006. Cháu T đã trên 18 tuổi, sau khi ly hôn nguyện vọng của chị N là được nuôi dưỡng cháu U. Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đ/ tháng.

Tài sản chung và khoản vay chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên hòa giải ngày 03/9/2019 anh V V C: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị N. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn mối quan hệ được nữa nên anh cũng nhất trí ly hôn. Giữa anh và chị N có 02 người con chung là cháu V V T sinh ngày 20/01/1998 và cháu V P U sinh ngày 29/6/2006. Cháu T đã trên 18 tuổi, Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu U và cháu cũng mong muốn được ở với mẹ nên anh đồng ý và cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đ/ tháng.

Tài sản chung: Gồm có 01 mảnh đất diện tích 352 m², trên thửa đất gồm 01 ngôi nhà ngói hai gian và công trình phụ liền kề, địa chỉ tại tiểu khu 1, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh để cho mẹ con chị N toàn quyền sử dụng. Mảnh đất diện tích 432 m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh V V C và chị P T N tại xã G T, huyện G Th, tỉnh N Đ, anh C không đồng ý phân chia, tạm thời anh C được quyền sử dụng, sau này khi con trai anh C và chị N là cháu T lập gia đình anh C sẽ có trách nhiệm phân chia đất cho cháu xây nhà.

Khoản vay chung: Anh C và chị N có vay vốn tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện G Th, tỉnh N Đ số tiền 50.000.000đ. Khoản vay này anh C chịu trách nhiệm trả.

Vay vốn tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện M H, tỉnh Q B số tiền 40.000.000 đ. Khoản vay này chị N chịu trách nhiệm trả.

Ngày 18/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị N và anh C. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh C vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị N một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị P T N và anh V V C đã đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã G T, huyện G Th, tỉnh N Đ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của chị N xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị P T N được ly hôn với anh V V C.

[2] Về con chung: Hai vợ chồng đều thừa nhận có 02 người con chung là cháu V V T sinh ngày 20/01/1998 và cháu V P U sinh ngày 29/6/2006. Cháu T đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng cháu T của chị N và anh C. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu U và cháu U cũng mong muốn được ở với mẹ nên áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị P T N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu V P U sinh ngày 29/6/2006. Xử buộc anh V V C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi cháu V P U tròn 18 tuổi.

[3] Tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết và tại phiên hòa giải mặc dù kê khai tài sản chung nhưng anh C cũng không đồng ý phân chia tài sản chung của anh và chị N nên Hội đồng xét xử không xem xét

Khoản vay chung: Tại phiên tòa hôm nay chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Án phí: Chị P T N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004118 ngày 13/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh V V C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị P T N được ly hôn với anh V V C.

2. Về con chung: Xử giao chị P T N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu V P U sinh ngày 29/6/2006. Xử buộc anh V V C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi cháu V P U tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 01/2020. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị P T N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004118 ngày 13/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh V V C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/01/2020), bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã G T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

